TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 341/2026/DS-PT
Ngày: 28/4/2026
V/v: Tranh chấp thừa kế

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trương Chí Anh**;

Các Thẩm phán: 1. Ông Chu Tuấn Anh

2. Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thùy Trang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thu Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 91/2026/TLPT–DS ngày 28 tháng 01 năm 2026 về việc: *Tranh chấp thừa kế.*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 256/2025/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 147/2026/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 217/2026/QĐ-PT ngày 17 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự phúc thẩm số 288/2026/QĐ-PT ngày 15 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1.1. Anh Đỗ Bá H, sinh năm 1984; Căn cước công dân số: 001084025408. Địa chỉ: Xóm B, thôn Đ, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là Thôn Đ, xã S, thành phố Hà Nội). Nơi ở hiện nay: KP Đ, xã N, tỉnh Lâm Đồng (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

1.2. Chị Đỗ Thị Đ, sinh năm 1986; Căn cước công dân số: 001186040696. Địa chỉ: Xóm B, thôn Đ, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là Thôn Đ, xã S, thành phố Hà Nội). Nơi ở hiện nay: Số G, QL20, R, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Phạm Ngọc H1 và Luật sư Đỗ Mạnh H2 – Trung tâm T1; Địa chỉ: Số D N, phường H, thành phố Hà Nội (Luật sư H1 có mặt. Luật sư H2 có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Cụ Nguyễn Thị V, sinh năm 1942; Địa chỉ: Xóm B, thôn Đ, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là Thôn Đ, xã S, thành phố Hà Nội) (Vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đỗ Bá H3, sinh năm 1964;

3.2. Ông Đỗ Bá N, sinh năm 1968;

3.3. Ông Đỗ Bá X, sinh năm 1971;

3.4. Ông Đỗ Bá S, sinh năm 1974;

3.5. Ông Đỗ Bá T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Xóm B, thôn Đ, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là Xóm B, thôn Đ, xã S, thành phố Hà Nội) (Vắng mặt ông H3, ông N, ông X, ông S, bà T).

Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Đỗ Bá H và chị Đỗ Thị Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Đỗ Bá H4 và bà Trần Thị L kết hôn năm 1983 và sinh được 02 người con là anh Đỗ Bá H và chị Đỗ Thị Đ. Ông H4 và bà L không có con nuôi, con riêng nào khác.

Ông Đỗ Bá H4 (chết ngày 17/8/2001) có bố là cụ Đỗ Bá N1, sinh năm 1939, chết ngày 13/10/2017 (âm lịch); mẹ là cụ Nguyễn Thị V, sinh năm 1942.

Cụ N1 và cụ V sinh được 07 người con gồm: Ông Đỗ Bá H4, sinh năm 1961 chết ngày 17/8/2001; ông Đỗ Bá H3, sinh năm 1964; ông Đỗ Bá N, sinh năm 1968; ông Đỗ Bá X, sinh năm 1971; ông Đỗ Bá S, sinh năm 1974; bà Đỗ Thị Y, sinh năm 1977 (chết 13/12/2010 - không có chồng con) và ông Đỗ Bá T, sinh năm 1979.

Bà Trần Thị L (chết ngày 23/6/2024) có bố là cụ Trần Văn C, sinh năm 1937, chết năm 1991; mẹ là cụ Nguyễn Thị H5, sinh năm 1943, chết năm 2018.

Quá trình chung sống ông H4 và bà L có tạo lập được khối tài sản là thửa đất số 113, tờ bản đồ số 5a, diện tích 746m^2 tại xóm B, thôn Đ, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là Thôn Đ, xã S, thành phố Hà Nội). Thửa đất này đã được UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 0170870 ngày

05/11/1994 mang tên ông Đỗ Bá H4. Trên đất hiện nay có 01 ngôi nhà cấp 4, ngôi nhà này hiện nay đang bị xuống cấp, mục nát, không còn giá trị sử dụng.

Khoảng năm 1993 ông H4 và bà L chuyển nhượng cho ông Trương Công P 125,8m^2, diện tích đất còn lại là 620,2m^2. Về phần đất đã chuyển nhượng cho ông, P anh H và chị Đường K yêu cầu xem xét giải quyết.

Ông H4 và bà L chết đều không để lại di chúc, nay anh H và chị Đ đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật đối với phần diện tích đất của bố mẹ để lại. Anh H và chị Đ mong muốn sẽ nhận bằng đất và sẽ thanh toán bằng tiền cho cụ V và các chú. Đối với ngôi nhà trên đất đã xuống cấp, không còn giá trị sử dụng nên không đề nghị giải quyết.

Bị đơn trình bày:

Cụ kết hôn với cụ Đỗ Bá N1 năm 1959 và sinh được 07 người con gồm: Ông Đỗ Bá H4, sinh năm 1961 (chết ngày 17/8/2001); ông Đỗ Bá H3, sinh năm 1964; ông Đỗ Bá N, sinh năm 1968; ông Đỗ Bá X, sinh năm 1971; ông Đỗ Bá S, sinh năm 1974; ông Đỗ Bá T, sinh năm 1979 và bà Đỗ Thị Y, sinh năm 1977 (chết 13/12/2010 - không có chồng con).

Cụ Đỗ Bá N1 chết ngày 13/10/2017 (âm lịch) không để lại di chúc.

Cụ V xây dựng gia đình cho ông Đỗ Bá H4 và bà Trần Thị L năm 1983. Ông H4 và bà L sinh được 02 người con là anh Đỗ Bá H, sinh năm 1984 và chị Đỗ Thị Đ, sinh năm 1986.

Nguồn gốc thửa đất số 113, tờ bản đồ số 5a diện tích 746m^2 tại thôn Đ, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là Thôn Đ, xã S, thành phố Hà Nội) là khi ông H4 và bà L kết hôn, ông H4 và bà L xin ở riêng nên gia đình cụ V xin Hợp tác xã cấp cho thửa đất này. Ngày 05/11/1994, UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 0170870 mang tên ông Đỗ Bá H4. Hiện nay thửa đất này không có ai sử dụng, trên đất có 01 ngôi nhà cấp bốn đã xuống cấp.

Năm 1993, ông H4 và bà L đã chuyển nhượng một phần của thửa đất cho ông Trương Công P, cụ V không có ý kiến gì.

Ông H4 chết ngày 17/8/2001, bà L chết ngày 23/6/2024 đều không để lại di chúc. Nay các con của ông H4 và bà L yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật thửa đất số 113, tờ bản đồ số 5a, diện tích đất còn lại là 620,2m^2 tại thôn Đ, xã T, huyện S, Hà Nội (nay là Thôn Đ, xã S, thành phố Hà Nội) cụ V nhất trí. Cụ V đề nghị được nhận bằng hiện vật để sau này lấy đất làm nơi thờ cúng vì các con của ông H4 đã cùng mẹ bỏ đi từ lâu. Cụ V đề nghị gộp chung phần di sản của cụ được hưởng với phần của các con và vị trí lấy ở phía Nam giáp với đất của ông Đỗ Bá S1.

Đối với ngôi nhà trên đất hiện đã xuống cấp, cụ V không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Bá H3, ông Đỗ Bá N, ông Đỗ Bá X, ông Đỗ Bá S; ông Đỗ Bá T trình bày:

Anh H4, chị L sử dụng thửa đất thửa đất đó có nguồn gốc là đất bố mẹ xin giãn dân và sau này được Giấy CNQSDĐ đối với thửa đất này là 746m2. Trong quá trình sử dụng đất anh H4, chị L đã bán một phần cho ông Trương Công P là hàng xóm liền kề một phần sinh hoạt.

Đến giờ qua đo đạc thì diện tích còn lại là 620,2m2, diện tích chuyển nhượng cho ông P là 125,8m2. Chúng tôi được biết nguyên đơn chỉ yêu cầu giải quyết chia thừa kế đối với phần đất còn lại là 620,2m2 và quan điểm của chúng tôi cũng thống nhất yêu cầu yêu cầu giải quyết chia thừa kế đối với diện tích còn lại vì việc chuyển nhượng cho anh P thì chúng tôi đều biết rõ từ trước và chúng tôi vẫn tôn trọng việc mua bán này giữa anh P và vợ chồng anh H4.

Chúng tôi đề nghị Toà án giải quyết chia thừa kế theo quy định của pháp luật và đề nghị chia bằng đất để và gộp chung vào phần của cụ Nguyễn Thị V để lấy chỗ thờ cúng cho anh chị vì sợ con cháu sẽ bán hết đất được chia mà không ở đất này để hương khói bố mẹ.

Ngoài ra, chúng tôi không cung cấp gì thêm và không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 256/2025/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hà Nội đã quyết định:

Căn cứ các điều 609, 611, 612,613, 618, 623, 624, 626, 627,628, 630, 631, 635, 674 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai; Khoản 1 Điều 26, Điều 48, Điều 147, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện ông Đỗ Bá H và bà Đỗ Thị Đ.

2. Xác định ông Đỗ Bá H4 và bà Trần Thị L có tài sản chung là thửa đất số 01 thửa đất số 113, tờ bản đồ số 5a, diện tích 602m^2 (sau khi chuyển nhượng cho ông Trương Công P) tọa lạc tại xóm B, thôn Đ, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là Thôn Đ, xã S, thành phố Hà Nội) trị giá 3.101.000.000 đồng. Thanh toán tài sản chung giữa ông H4 và bà L, mỗi người có ½ = 310,1m^2 đất = 1.550.500.000 đồng.

2.1. Xác định ông Đỗ Bá H4 chết ngày 17/8/2001, không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật của ông H4 được xác định gồm 5 người là: Cụ Đỗ Bá N1, cụ Nguyễn Thị V, bà Trần Thị L, anh Đỗ Bá H và chị Đỗ Thị Đ.

Mở thừa kế lần thứ nhất: *Xác định di sản của ông H4 có 310,1m^2 đất = 1.550.500.000 đồng; Chia di sản thừa kế của ông H4 cho 5 người (như đã nêu ở trên), mỗi người hưởng 1/5 = 62,02m^2 đất = 310.100.000 đồng.*

2.2. Xác định cụ Đỗ Bá N1, chết ngày 10/12/2017, không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật của cụ N1 được xác định gồm 6 người là: Cụ Nguyễn Thị V, ông Đỗ Bá H3, ông Đỗ Bá N, ông Đỗ Bá X, ông Đỗ Bá S và ông Đỗ Bá T.

Mở thừa kế lần thứ hai: *Di sản của cụ N1 có 62,02m^2 đất = 310.100.000 đồng; Chia di sản thừa kế của cụ N1 cho 6 người (như đã nêu ở trên), mỗi người hưởng 1/6 = 51.683.333 đồng.*

2.3. Xác định bà Trần Thị L chết ngày 23/6/2024. Hàng thừa kế thứ nhất theo quy định của pháp luật được hưởng di sản thừa kế của bà Trần Thị L được xác định gồm 2 người là: Anh Đỗ Bá H và chị Đỗ Thị Đ.

Mở thừa kế lần thứ ba: *Di sản của bà L có 310,1m^2 đất = 1.550.500.000 đồng; Chia di sản thừa kế của bà L cho 2 người (như đã nêu ở trên), mỗi người hưởng 1/2 = 775.250.000 đồng.*

Như vậy, sau 3 lần mở thừa kế, anh Đỗ Bá H và chị Đỗ Thị Đ hưởng tổng cộng 496,16m^2 đất = 2.170.700.000 đồng; Nguyễn Thị V hưởng tổng cộng = 361.783.000 đồng; ông Đỗ Bá H3, ông Đỗ Bá N, ông Đỗ Bá X, ông Đỗ Bá S và ông Đỗ Bá T, mỗi người hưởng 51.683.333 đồng, tổng cộng = 258.416.665 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông H3, ông N, ông X, ông S và ông T cho cụ V hưởng phần di sản của mình được chia là 258.416.665. Tổng số cụ V được hưởng là 620.200.000 đồng tương đương với 124,04m^2 đất.

Ghi nhận sự tự nguyện của các bên tài sản nằm trên phần đất của ai được giao thì người đó tiếp tục sở hữu.

3. Giao bằng hiện vật cho các bên như sau:

- Giao cho cụ Nguyễn Thị V sử dụng diện tích đất 124,04 m^2 (tại thửa số 113, tờ bản đồ số 5a, tọa lạc tại xóm B, thôn Đ, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội; nay là Thôn Đ, xã S, thành phố Hà Nội - có sơ đồ kèm theo), trị giá 620.200.000 đồng;

- Giao cho anh Đỗ Bá H và chị Đỗ Thị Đ sử dụng diện tích đất 496,16 m^2 (tại thửa số 113, tờ bản đồ số 5a, tọa lạc tại xóm B, thôn Đ, xã T, huyện S, thành

phố Hà Nội; nay là Thôn Đ, xã S, thành phố Hà Nội - có sơ đồ kèm theo), trị giá 2.715.000.000 đồng.

4. Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh và cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với nội dung của quyết định bản án này.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/10/2025, Toà án nhân dân khu vực 7 – Hà Nội nhận được đơn kháng cáo ngày 29/9/2025 của nguyên đơn là anh Đỗ Bá H và chị Đỗ Thị Đ với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chia lại di sản thừa kế của ông H4, bà L trong đó có tính đến công sức tôn tạo, quản lý của ông H4, bà L và của nguyên đơn. Chia di sản cho bị đơn bằng tiền để thực hiện di nguyện của ông H4 để lại làm nơi thờ cúng, trong đó có cả thờ tổ tiên, ông nội, kể cả bà nội sau này và mọi người khác trong dòng họ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp của nguyên đơn đề nghị: Đưa ông H, Chị Đ được thừa kế kế vị của ông H4 được hưởng khi chia thừa kế của cụ N1. Chia lại tài sản thừa kế 6 phần bằng giá trị tài sản.

- Bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày .

Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ, đưa ra yêu cầu mới và giữ nguyên lời khai đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, cơ quan và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm số 256/2025/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – thành phố Hà Nội. Xác định lại những người được hưởng thừa kế của cụ N1. Xác định phần thừa kế được hưởng của các đương sự và sửa án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa và người tham gia tố tụng về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của nguyên đơn trong thời hạn luật định; Nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Do đó việc kháng cáo là hợp lệ về hình thức.

[2]. Xét kháng cáo của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ huyết thống:

Hội đồng xét xử nhận thấy, các đương sự trong vụ án đều không phản đối về quan hệ huyết thống, nên quan hệ huyết thống là tình tiết không cần chứng minh như sau:

Ông Đỗ Bá H4 (chết ngày 17/8/2001) và bà Trần Thị L (chết ngày 23/6/2024) kết hôn năm 1983 và sinh được 02 người con là anh Đỗ Bá H và chị Đỗ Thị Đ. Ông H4 và bà L không có con nuôi, con riêng nào khác.

Ông Đỗ Bá H4 có bố là cụ Đỗ Bá N1, sinh năm 1939 (chết ngày 10/12/2017); mẹ là cụ Nguyễn Thị V, sinh năm 1942. Cụ N1 và cụ V sinh được 07 người con gồm: Ông Đỗ Bá H4, sinh năm 1961 (chết ngày 17/08/2001); ông Đỗ Bá H3, sinh năm 1964; ông Đỗ Bá N, sinh năm 1968; ông Đỗ Bá X, sinh năm 1971; ông Đỗ Bá S, sinh năm 1974; bà Đỗ Thị Y, sinh năm 1977 (chết 13/12/2010 - không có chồng con) và ông Đỗ Bá T, sinh năm 1979.

Bà Trần Thị L (chết ngày 23/06/2024) có bố là cụ Trần Văn C, sinh năm 1937 (chết năm 1991); mẹ là cụ Nguyễn Thị H5, sinh năm 1943 (chết năm 2018).

Do vậy căn cứ Điều 651 BLDS năm 2015:

+ Hàng thừa kế thứ nhất của ông Đỗ Bá H4 là: cụ Đỗ Bá N1; cụ Nguyễn Thị V bà Trần Thị L, anh Đỗ Bá H và chị Đỗ Thị Đ.

+ Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Đỗ Bá N1 là: cụ Nguyễn Thị V; ông Đỗ Bá H4 (chết ngày 17/8/2001); ông Đỗ Bá H3; ông Đỗ Bá N; ông Đỗ Bá X; ông Đỗ Bá S và ông Đỗ Bá T, sinh năm 1979. Tuy nhiên, do ông Đỗ Bá H4 chết trước cụ Đỗ Bá N1 nên căn cứ Điều 652 BLDS 2015 anh Đỗ Bá H và chị Đỗ Thị Đ được hưởng phần di sản mà ông Đỗ Bá H4 được hưởng nếu còn sống. Toà án cấp sơ thẩm không xác định hàng thừa kế thứ nhất bao gồm cả ông Đỗ Bá H4 và xác định

thừa kế thế vị của anh Đỗ Bá H và chị Đỗ Thị Đ là chưa chính xác nên cần sửa án sơ thẩm nội dung này.

+ Hàng thừa kế thứ nhất của Bà Trần Thị L là anh Đỗ Bá H và chị Đỗ Thị Đ.

[2.2]. Về điểm mở thừa kế và thời hiệu thừa kế:

Anh Đỗ Bá H và chị Đỗ Thị Đ khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật đối với quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 113, tờ bản đồ số 5a, diện tích 620,2m^2 tại xóm B, thôn Đ, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là Thôn Đ, xã S, thành phố Hà Nội). Ông Đỗ Bá H4 chết ngày 17/8/2001; cụ Đỗ Bá N1 chết ngày 10/12/2017; Bà Trần Thị L chết ngày 23/6/2024 đều không để lại di chúc. Căn cứ Điều 611; khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015, thời điểm mở thừa kế của ông Đỗ Bá H4 là năm 2001; cụ Đỗ Bá N1 là năm 2017, bà Trần Thị L là năm 2024 và vụ án còn trong thời hiệu khởi kiện là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật.

[2.3]. Xét về di sản thừa kế:

Quá trình chung sống, ông Đỗ Bá H4 và bà Trần Thị Lai tạo L1 được khối tài sản là thửa đất số 113, tờ bản đồ số 5a, diện tích 746m^2 tại xóm B, thôn Đ, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là Thôn Đ, xã S, thành phố Hà Nội). Trên đất có 01 ngôi nhà cấp bốn đã bị xuống cấp, mục nát, không còn giá trị sử dụng. Ngày 05/11/1994, UBND huyện S cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 0170870 mang tên ông Đỗ Bá H4.

Năm 1993, khi đó ông H4 và bà L còn sống đã chuyển nhượng cho ông Trương Công P 125,8m^2. Đến nay diện tích đất còn lại là 620,2m^2; các bên đều không yêu cầu xem xét giải quyết đối với diện tích đất đã chuyển nhượng cho ông P. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xác định 620,2m^2 đất tại thửa đất số 113, tờ bản đồ số 5a, tại xóm B, thôn Đ, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là Thôn Đ, xã S, thành phố Hà Nội) là tài sản chung của ông Đỗ Bá H4 và bà Trần Thị L theo quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân gia đình 2014 là có cơ sở và được chấp nhận. Do ông Đỗ Bá H4 và bà Trần Thị L đều đã chết nên diện tích đất trên được xác định là di sản thừa kế của ông Đỗ Bá H4 và bà Trần Thị L.

[2.4] Phân chia di sản thừa kế:

Trước khi chết, ông Đỗ Bá H4, cụ Đỗ Bá N1 và bà Trần Thị L không để lại di chúc, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 650 BLDS, di sản trên được chia theo pháp luật.

Như đã phân tích ở trên 620,2m^2 đất tại thửa đất số 113, tờ bản đồ số 5a, tại xóm B, thôn Đ, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là Thôn Đ, xã S, thành phố Hà Nội). Theo Biên bản định giá tài sản 24/03/2025 trị giá 3.101.000.000 đồng.

Phân chia tài sản vợ chồng: ông Đỗ Bá H4 và bà Trần Thị L mỗi người được chia hưởng 3.101.000.000 đồng /2 = 1.550.500.000 đồng.

- Ông Đỗ Bá H4 năm 2001, thời điểm mở thừa kế là năm 2001. Di sản của ông Đỗ Bá H4 có giá trị là 1.550.500.000 đồng. Mỗi kỷ phần thửa kế của ông Đỗ Bá H4 có giá trị là: 1.550.500.000 đồng/5= 310.100.000 đồng. Cụ thể: cụ Đỗ Bá N1; cụ Nguyễn Thị V, bà Trần Thị L, anh Đỗ Bá H và chị Đỗ Thị Đ mỗi người được nhận 310.100.000 đồng.

- Cụ Đỗ Bá N1 chết ngày 10/12/2017, thời điểm mở thừa kế là năm 2017. Di sản của cụ Đỗ Bá N1 là 310.100.000 đồng. Mỗi kỷ phần thừa kế của cụ Đỗ Bá N1 có giá trị là: 310.100.000 đồng/7= 44.300.000đồng. Cụ thể: cụ Nguyễn Thị V; ông Đỗ Bá H4 (thế vị là anh Đỗ Bá H và chị Đỗ Thị Đ); ông Đỗ Bá H3; ông Đỗ Bá N; ông Đỗ Bá X; ông Đỗ Bá S và ông Đỗ Bá T mỗi người được nhận 44.300.000đồng.

- Bà Trần Thị L chết ngày 23/6/2024, thời điểm mở thừa kế là năm 2024. Di sản của bà Trần Thị L là 1.860.600.000 đồng. Mỗi kỷ phần thừa kế của bà Trần Thị L có giá trị là: 1.860.600.000 đồng/2=930.300.000 đồng. Cụ thể: Anh Đỗ Bá H và chị Đỗ Thị Đ mỗi người được nhận 930.300.000 đồng.

Như vậy, sau khi chia di sản thừa kế của ông Đỗ Bá H4, cụ Đỗ Bá N1 và bà Trần Thị L các đương sự được hưởng di sản như sau:

+ Anh Đỗ Bá H và chị Đỗ Thị Đ, mỗi người hưởng 1.262.550.000 đồng. Tổng cộng = 2.525.100.000 đồng tương đương với 505,02m2 đất.

+ Cụ Nguyễn Thị V = 354.400.000 đồng;

+ Ông Đỗ Bá H3; ông Đỗ Bá N; ông Đỗ Bá X; ông Đỗ Bá S và ông Đỗ Bá T mỗi người được nhận 44.300.000đồng. Tổng cộng = 221.500.000 đồng.

* Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đỗ Bá H3; ông Đỗ Bá N; ông Đỗ Bá X; ông Đỗ Bá S và ông Đỗ Bá T cho cụ V hưởng di sản. Tổng số cụ V được hưởng là 575.900.000 đồng tương đương với 115,18m2 đất.

[2.3.5]. Chia hiện vật như sau:

Trong quá trình giải quyết vụ án, cụ Nguyễn Thị V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu hưởng di sản bằng hiện vật để làm nơi thờ cúng. Xét thấy: hiện nay cụ Nguyễn Thị V đang sinh sống cũng ông Đỗ Bá T; ông Đỗ Bá T cùng ông Đỗ Bá H3; ông Đỗ Bá N; ông Đỗ Bá X; ông Đỗ Bá S đều có thửa đất của riêng mình đang sinh sống và thờ cúng ông bà, tổ tiên; trong khi đó ông Đỗ Bá H4, bà Trần Thị L chỉ có duy nhất thửa đất trên; đồng thời, ông Đỗ Bá H4 cũng là con trai trưởng và anh Đỗ Bá H cũng là cháu trai trưởng trong nhà nên việc thời cúng ông bà tổ tiên phù hợp với truyền thống nên cần thiết chia toàn bộ

620,2m2 đất thuộc thửa đất số 113, tờ bản đồ số 5a, diện tích 746m^2 tại xóm B, thôn Đ, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là Thôn Đ, xã S, thành phố Hà Nội) cho anh Đỗ Bá H và chị Đỗ Thị Đ và chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là phù hợp. Do đó, sửa về việc chia hiện vật của bản án sơ thẩm đối với di sản thừa kế trên.

Theo đó, chia cho anh Đỗ Bá H và chị Đỗ Thị Đ được quyền sử dụng đối với 620,2m2 đất thuộc thửa đất số 113, tờ bản đồ số 5a, diện tích 746m^2 tại xóm B, thôn Đ, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là Thôn Đ, xã S, thành phố Hà Nội) (có sơ đồ kèm theo).

Anh Đỗ Bá H và chị Đỗ Thị Đ được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký đất đai và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.

Theo phân chia tài sản và di sản nêu trên anh Đỗ Bá H và chị Đỗ Thị Đ phải thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho cụ Nguyễn Thị V số tiền là 575.900.000 đồng.

[3] Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phù hợp một phần nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Đỗ Bá H3 là người cao tuổi nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

+ Cụ Nguyễn Thị V là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần thừa kế cụ được hưởng. Cụ Nguyễn Thị V phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch đối với kỷ phần thừa kế ông Đỗ Bá N; ông Đỗ Bá X; ông Đỗ Bá S và ông Đỗ Bá T tự nguyện nhường cho cụ. Giá trị 04 kỷ phần thừa kế trên là 44.300.000 đồng x 4 = 177.200.000 đồng. Như vậy, cụ Nguyễn Thị V phải chịu án phí: 8.860.000 đồng.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Đỗ Bá H, chị Đỗ Thị Đ; sửa bản án dân sự sơ thẩm số 256/2025/DS-ST ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hà Nội, như sau:

Căn cứ Điều 609, 611, 612,613, 618, 623, 624, 626, 627,628, 630, 631, 635, 651, 652, 674 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 26, Điều 48, Điều 147, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của anh Đỗ Bá H, chị Đỗ Thị Đ.

2. Xác định Ông Đỗ Bá H4 và bà Trần Thị L có tài sản chung là thửa đất số 01 thửa đất số 113, tờ bản đồ số 5a, diện tích 620,2m^2 (sau khi chuyển nhượng cho ông Trương Công P) tọa lạc tại xóm B, thôn Đ, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là Thôn Đ, xã S, thành phố Hà Nội) trị giá 3.101.000.000 đồng. Ông Đỗ Bá H4 và bà Trần Thị L, mỗi người có ½ tài sản có giá trị là 1.550.500.000 đồng.

2.1. Xác định ông Đỗ Bá H4 chết ngày 17/8/2001, không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật của ông H4 được xác định gồm 5 người là: Cụ Đỗ Bá N1, cụ Nguyễn Thị V, bà Trần Thị L, anh Đỗ Bá H và chị Đỗ Thị Đ.

Mở thừa kế lần thứ nhất: Xác định di sản của ông H4 có giá trị là 1.550.500.000 đồng; Chia di sản thừa kế của ông H4 cho Cụ Đỗ Bá N1, cụ Nguyễn Thị V, bà Trần Thị L, anh Đỗ Bá H và chị Đỗ Thị Đ, mỗi người hưởng 1/5 = 310.100.000 đồng.

2.2. Xác định cụ Đỗ Bá N1, chết ngày 10/12/2017, không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật của cụ N1 được xác định gồm 7 người là: Cụ Nguyễn Thị V, ông Đỗ Bá H4 (anh Đỗ Bá H và chị Đỗ Thị Đ nhận phần di sản ông Đỗ Bá H4 được nhận) ông Đỗ Bá H3, ông Đỗ Bá N, ông Đỗ Bá X, ông Đỗ Bá S và ông Đỗ Bá T.

Mở thừa kế lần thứ hai: Di sản của cụ N1 có giá trị là 310.100.000 đồng; Chia di sản thừa kế của cụ Đỗ Bá N1 cụ Nguyễn Thị V; ông Đỗ Bá H4 (anh Đỗ Bá H và chị Đỗ Thị Đ nhận phần di sản ông Đỗ Bá H4 được nhận); ông Đỗ Bá H3; ông Đỗ Bá N; ông Đỗ Bá X; ông Đỗ Bá S và ông Đỗ Bá T mỗi người hưởng 1/7 = 44.300.000 đồng.

2.3. Xác định bà Trần Thị L chết ngày 23/6/2024. Hàng thừa kế thứ nhất theo quy định của pháp luật được hưởng di sản thừa kế của bà Trần Thị L được xác định gồm 2 người là: Anh Đỗ Bá H và chị Đỗ Thị Đ.

Mở thừa kế lần thứ ba: Di sản của bà L có giá trị là 1.550.500.000 đồng; Chia di sản thừa kế của bà L cho Đỗ Bá H và chị Đỗ Thị Đ, mỗi người hưởng 1/2 = 930.300.000 đồng.

Như vậy, sau 3 lần mở thừa kế, anh Đỗ Bá H và chị Đỗ Thị Đ mỗi người hưởng giá trị tài sản thừa kế là 1.262.550.000 đồng. Tổng cộng = 2.525.100.000 đồng.

Cụ Nguyễn Thị V được hưởng giá trị tài sản thừa kế là 354.400.000 đồng.

Ông Đỗ Bá H3; ông Đỗ Bá N; ông Đỗ Bá X; ông Đỗ Bá S và ông Đỗ Bá T mỗi người được hưởng giá trị tài sản thừa kế là 44.300.000 đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đỗ Bá H3; ông Đỗ Bá N; ông Đỗ Bá X; ông Đỗ Bá S và ông Đỗ Bá T cho cụ Nguyễn Thị V hưởng di sản. Tổng số tiền cụ Nguyễn Thị V được hưởng là 575.900.000 đồng.

3. Giao bằng hiện vật và nghĩa vụ thanh toán như sau:

- Giao cho anh Đỗ Bá H và chị Đỗ Thị Đ sử dụng diện tích đất 620,2m2 (tại thửa số 113, tờ bản đồ số 5a, tọa lạc tại xóm B, thôn Đ, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội; nay là Thôn Đ, xã S, thành phố Hà Nội - có sơ đồ kèm theo).

Anh Đỗ Bá H và chị Đỗ Thị Đ có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để để làm thủ tục đăng ký đất đai và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho phù hợp với nội dung của quyết định bản án này.

- Anh Đỗ Bá H và chị Đỗ Thị Đ có nghĩa vụ thanh toán cho cụ Nguyễn Thị V số tiền là 575.900.000 đồng.

4. Về án phí

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Đỗ Bá H và chị Đỗ Thị Đ phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 99.753.000 đồng (mỗi người phải nộp 49.876.500 đồng).

- Cụ Nguyễn Thị V và ông Đỗ Bá H3 là người cao tuổi nên không phải chịu án phí. Cụ Nguyễn Thị V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần thừa kế ông Đỗ Bá N; ông Đỗ Bá X; ông Đỗ Bá S và ông Đỗ Bá T tự nguyện nhường cho cụ là 8.860.000 đồng.

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Đỗ Bá H và chị Đỗ Thị Đường K phải nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Khấu trừ số tiền 7.890.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0072688, 0072687 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sóc Sơn (nay là Thi hành án dân sự thành phố H); và số tiền 600.000 đồng đã nộp tạm

ứng án phí tại biên lai số 0013195, 0013194 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Anh Đỗ Bá H và chị Đỗ Thị Đ còn phải nộp tiếp 91.263.000 đồng.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; và Điều 7a, 7b của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND.TP Hà Nội;
- Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hà Nội;
- Phòng THA DS khu vực 7 – Hà Nội;
- THA DS TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Chí Anh

Nơi nhận:
- VKSND.TP Hà Nội;
- Tòa án nhân dân khu vực 7 – TP Hà Nội;
- Phòng THA DS khu vực 7 – Hà Nội;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- THA DS TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ.

Trương Chí Anh